

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ hai, ngày 9 tháng 9 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thanh khoản yếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/9/2019		•	
Tuần 9/9-13/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index lập lại diễn biến của các ngày giao dịch trước trong phiên sáng khi hồi phục nhẹ vào đầu phiên rồi nhanh chóng rơi về vùng điều chỉnh trước áp lực bán gia tăng ở các mã VHM, TCB, VPB, GAS, BVH. Chỉ số duy trì ở dưới mốc tham chiếu trong phiên chiều nhưng tăng điểm nhẹ vào cuối phiên nhờ lực kéo từ các mã bluechips VIC, VNM, PLX. Thị trường có phiên giao dịch giằng co quanh mốc tham chiếu với thanh khoản duy trì ở mức thấp. **Nhìn chung, nhà đầu tư vẫn mang tâm lý chờ đợi những tín hiệu từ cuộc họp của ECB vào ngày 12/09 hay của Fed vào ngày 17/09 tới đây.**

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều đứng giá trong phiên đầu tuần. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 09/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm ảm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. MBB đang điều chỉnh giảm sau khi không vượt qua được ngưỡng kháng cự cự 23.5. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng tiếp tục giảm giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ tiếp tục gặp áp lực giảm trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_0.3%.

Danh mục **MSCI frontier 100 Việt Nam** - có tính chất mô phỏng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số của MSCI - hôm nay có mức hiệu suất ngày **0.3%**, con số này của **VNINDEX** là **0.0%**. Có **5/14** danh mục **Chủ đề** có hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX.

Phân tích kỹ thuật: GTN_Tiềm năng bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+0.04 điểm**, đóng cửa 974.12. HNX-Index **-0.07 điểm**, đóng cửa 100.85.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.50)**; **VNM (+0.88)**; **PLX (+0.46)**; **VJC (+0.38)**; **FPT (+0.18)**.
- Kéo chỉ số giảm: **TCB (-0.50)**; **VHM (-0.39)**; **GAS (-0.39)**; **HVN (-0.38)**; **NVL (-0.22)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,141.09 tỷ đồng**, **+3.7%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 2.56 điểm. Thị trường có 111 mã tăng và 196 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **360.98 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VJC (354.07 tỷ), GEX (16.08 tỷ) và PLX (15.96 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **8.80 tỷ đồng**.

VN-INDEX

974.12

Giá trị: 2141.09 tỷ

0.04 (0%)

Khối ngoại (ròng): 360.98 tỷ

HNX-INDEX

100.85

Giá trị: 196.25 tỷ

-0.07 (-0.07%)

Khối ngoại (ròng): -8.8 tỷ

UPCOM-INDEX

56.49

Giá trị: 228.55 tỷ

-0.27 (-0.48%)

Khối ngoại(ròng): 11.02 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	57.0	0.88%
Giá vàng	1,510	0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,200	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,584	0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,689	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	3.9%	3.80%
LS TPCP 5 năm	3.3%	0.61%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	356.4	HPG	18.3
GEX	16.1	MSN	11.2
PLX	16.0	TNA	5.9
VNM	11.7	VRE	5.1
VIC	6.3	VHM	3.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Danh mục **MSCI frontier 100 Việt Nam** - có tính chất mô phỏng tỷ trọng cổ phiếu Việt Nam trong chỉ số của MSCI - hôm nay có mức hiệu suất ngày **0.3%**, con số này của VNINDEX là **0.0%**. Có **5/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**.

* Đặc biệt, trong bối cảnh **VNINDEX** đi ngang, danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục cho thấy tính ổn định và an toàn:

- **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_0.3%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	-0.8%	0.2%	-0.2%	-5.2%	3.7%	84.1%
Nước & Năng lượng	0.2%	-0.8%	0.0%	-3.5%	-3.0%	12.4%	57.7%
Hàng tiêu dùng	0.2%	-2.2%	-1.7%	3.0%	1.9%	5.5%	57.2%
Chiến tranh thương mại	0.0%	-2.0%	-3.8%	-4.9%	-6.1%	7.2%	9.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	-1.4%	1.5%	3.5%	-1.8%	2.6%	69.8%
Dầu khí	-0.1%	-1.5%	-1.7%	-3.0%	-1.3%	1.2%	10.9%
Vật liệu Xây dựng	-0.1%	-0.8%	-2.0%	0.5%	-2.3%	3.9%	3.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	-0.4%	-1.2%	-2.9%	-8.0%	-8.0%	-9.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-2.4%	-4.1%	-3.8%	-2.0%	15.7%	47.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	-1.8%	-0.1%	6.9%	1.0%	2.1%	68.3%
Xây dựng	-0.6%	-0.7%	-0.1%	-3.8%	-12.7%	-13.0%	20.6%
Ngân hàng	-0.6%	-1.0%	3.1%	9.1%	-1.3%	-1.4%	71.5%
BDS & Khu công nghiệp	-0.7%	-1.6%	0.4%	2.3%	-2.1%	6.5%	60.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.4%	-3.7%	-7.6%	-10.6%	-16.1%	-14.7%	32.8%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 8	0.4%	-0.5%	0.3%	6.3%	8.7%	11.6%	58.4%
Danh mục 13	0.3%	-0.6%	1.1%	1.2%	-3.6%	2.6%	24.2%
Danh mục 11	0.3%	-1.7%	-2.4%	-3.9%	-8.6%	-2.4%	82.1%
Danh mục 4	-0.6%	-1.0%	-0.5%	1.7%	-6.0%	-6.2%	19.7%
Danh mục 5	-0.9%	-2.0%	-1.0%	2.5%	-1.2%	1.9%	76.5%
* Note							

* Note **10/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 19	0.2%	-1.0%	1.1%	5.9%	3.8%	10.0%	50.8%
Danh mục 22	-0.1%	-1.1%	3.4%	9.9%	5.5%	3.2%	65.2%
Danh mục 21	-0.1%	-1.0%	0.5%	4.0%	2.2%	1.8%	41.3%
Danh mục 23	-0.8%	-3.0%	-2.6%	-1.2%	-5.3%	7.6%	113.6%
Danh mục 25	-1.2%	-4.4%	-4.1%	3.9%	3.1%	28.4%	166.0%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**

INDEX							
VNINDEX	0.0%	-1.0%	0.0%	1.3%	-3.1%	0.5%	46.1%
VN30INDEX	0.0%	-0.8%	0.8%	1.5%	-4.8%	-6.3%	34.3%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

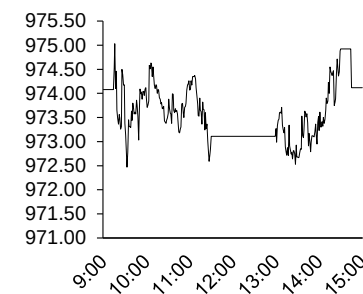
BSC RESEARCH

9/9/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

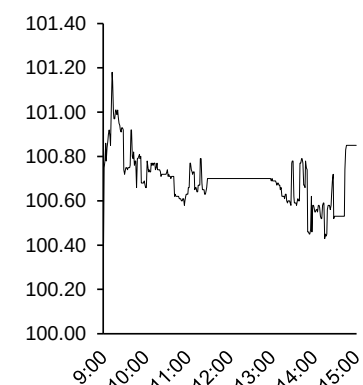
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	-4.6%
Hóa chất	-1.4%
Bảo hiểm	-0.8%
Dịch vụ tài chính	-0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.5%
Bán lẻ	-0.5%
Y tế	-0.5%
Ngân hàng	-0.3%
Du lịch và Giải trí	0.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.1%
Bất động sản	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.5%
Ô tô và phụ tùng	0.6%
Công nghệ Thông tin	1.2%
Dầu khí	1.5%
Truyền thông	4.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

GTN_Tiềm năng bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích lũy ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: chuẩn bị xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: tăng dần và chưa chạm đến vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu GTN đang có tín hiệu tăng giá trở lại sau khi tích lũy ngắn hạn tại vùng giá 19. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đều ủng hộ cho xu hướng này. Nhìn rộng hơn, cổ phiếu đã giao động trong khu vực 17 – 20 trong 5 tháng gần đây, kết hợp với chuỗi tăng giá trong Quý 1, tạo thành mô hình cờ đuôi nheo, báo hiệu đà tăng có thể tiếp tục. Đặc biệt hơn, đường MACD chuẩn bị cắt lên trên đường tín hiệu, cho thấy tiềm năng về một sự bứt phá trong những phiên tới. Dự kiến trong tương lai gần, GTN sẽ vượt qua ngưỡng kháng cự tại giá 20 và tiến tới chinh phục vùng giá 23 – 24.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Catalyst: Chiến lược M&A.

Rủi ro đầu tư: Rủi ro vùng nguyên liệu, rủi ro cạnh tranh.

Cập nhật KQKD: KQKD 2018 DTT và LNST của GTN lần lượt đạt 3,008 tỷ (-20.4% YoY) và 104 tỷ (-31.5% YoY). Như vậy, công ty hoàn thành 91.1% KH DT và 34.7% KH LNST. Lợi nhuận từ hoạt động thoái vốn đạt 23 tỷ đồng, bằng 16.4% so với dự kiến của công ty. Biên LNG năm 2018 được cải thiện mạnh, đạt 15.5%, so với mức 11.6% so với cùng kỳ chủ yếu do DT các hoạt động không cốt lõi (vốn có biên 5.9%) giảm mạnh. Dù vậy, do phải trích lập dự phòng (6 tỷ) và tăng hoạt động quảng cáo (23 tỷ) khiến LNST giảm mạnh.

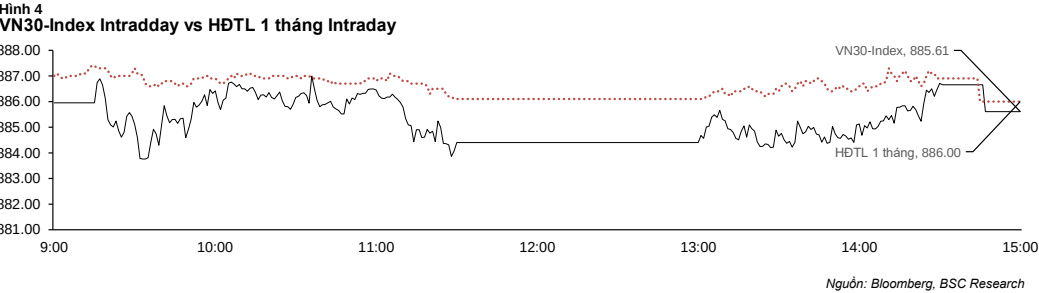
Mảng sữa: trong năm 2018, mảng sữa đóng góp 2,482 tỷ doanh thu (15.8% YoY) và 467 tỷ LNG (+11.2% YoY). Biên LNG mảng sữa năm 2018 đạt 18.8%, giảm nhẹ so với mức biên 19.6% trong năm 2017. BSC cho rằng biên LNG giảm nhẹ do chi phí vỏ hộp (chiếm 22% COGS) tăng nhẹ.

Cơ cấu COGS mảng sữa: sữa 50%; vỏ hộp 22%; mua ngoài 4%; khấu hao 4%; nhân công 7%; khác 13%. Năm 2018, công ty mua sữa từ người dân với giá trung bình 12,000 VND/lít. Nhà máy chế biến thức ăn đạt công suất 100 tấn/ngày, so với công suất thiết kế là 120 tấn/ngày.

Mảng chè: đóng góp 390 tỷ doanh thu (-20.2% YoY) và 38 tỷ LN gộp (+90% YoY). Biên LNG của mảng chè tăng mạnh lên mức 9.7% từ mức 4.1%. BSC cho rằng do công ty chuyển đổi sản phẩm chè xanh xuất khẩu có biên LNG cao hơn (thương hiệu Bao Chung, Ô Long). Mỗi năm, công ty sản xuất 2,500 tấn với diện tích trồng chè đạt 600 ha. Chi phí nguyên liệu chè dao động quanh 7,000 – 9,000 VND/kg tùy chất lượng.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express GTN 2019Q1.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1909	886.00	-0.10%	0.39	-47.8%	22299	9/19/2019	12
VN30F1910	887.00	0.05%	1.39	-23.9%	143	10/17/2019	40
VN30F1912	887.70	0.20%	2.09	81.1%	67	12/19/2019	103
VN30F2003	886.40	0.16%	0.79	-76.4%	13	3/19/2020	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 0.34 điểm xuống mức 885.61 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, HPG, NVL, và MWG tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 giằng co quanh vùng 884-886 điểm. Thanh khoản tiếp tục được giữ ở mức thấp, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư.

- Các HDTL đều đứng giá trong phiên đầu tuần. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá tiếp tục tăng dần trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết
CFPT1904	MBS	11/19/2019	71	3:1	496,930	-4.2%	3.0 triệu	19.20%	1,700	2,450	14.49%	35,050.79
CFPT1901	VND	9/11/2019	2	2:1	264,850	319.5%	2.0 triệu	19.20%	1,900	4,700	9.30%	4,928.70
CFPT1902	SSI	9/30/2019	21	1:1	59,810	43.1%	1.0 triệu	19.20%	3,800	8,700	3.20%	8,988.20
CREE1901	MBS	11/19/2019	71	3:1	316,830	-44.1%	3.0 triệu	n/a	1,260	1,480	2.78%	n/a
CVIC1901	KIS	11/14/2019	66	5:1	35,870	1494.2%	2.0 triệu	23.05%	1,960	2,280	2.70%	113.30
CFPT1903	SSI	12/30/2019	112	1:1	83,360	62.3%	2.0 triệu	19.20%	6,000	12,080	2.37%	9,588.20
CMWG1903	HSC	12/30/2019	112	5:1	18,690	-78.3%	2.0 triệu	19.60%	2,700	5,610	2.00%	4,640.80
CMWG1902	VND	12/11/2019	93	4:1	2,590	-42.6%	2.4 triệu	19.60%	2,990	8,490	-0.70%	6,972.90
CMBB1902	HSC	12/17/2019	99	1:1	249,780	-17.8%	1.0 triệu	23.33%	3,200	3,000	-1.32%	1,578.80
CMWG1904	SSI	9/28/2019	112	1:1	14,590	211.8%	1.0 triệu	19.60%	14,000	32,250	-1.92%	28,122.10
CMSN1901	KIS	11/14/2019	66	5:1	12,320	-41.5%	1.8 triệu	20.58%	1,920	1,460	-2.67%	139.50
CVNM1901	KIS	12/13/2019	95	10:1	33,030	-31.5%	5.0 triệu	20.57%	1,200	680	-2.86%	5.20
CHPG1905	SSI	12/30/2019	112	1:1	41,870	275.5%	1.0 triệu	29.59%	3,300	3,000	-4.76%	841.70
CHPG1906	KIS	11/14/2019	66	2:1	2,320	7.4%	5.0 triệu	29.59%	1,500	750	-5.06%	19.20
CVRE1901	KIS	11/14/2019	66	2:1	93,770	-12.2%	2.5 triệu	28.96%	1,900	1,280	-5.19%	58.40
CHPG1902	KIS	12/11/2019	93	5:1	8,210	-86.0%	3.0 triệu	29.59%	1,000	460	-8.00%	-
CMBB1901	SSI	9/28/2019	19	1:1	147,190	-29.9%	3.0 triệu	20.58%	1,900	1,930	-8.10%	2,018.80
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	3	2:1	142,550	23.4%	1.5 triệu	29.59%	1,500	30	-25.00%	0.10
CHPG1904	SSI	9/30/2019	21	1:1	187,900	88.5%	1.0 triệu	29.59%	2,200	510	-49.00%	114.20

Chú thích: *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 09/09/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm khi hầu hết các mã đều giảm theo đà giảm của chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

- Về giá, CHPG1904 và CHPG1903 giảm mạnh lần lượt là 49% và 25%. CFPT904 và CREE đã bắt đầu giao dịch và đang tăng giá khá tích cực lần lượt là 14.49% và 2.78%. Thanh khoản thị trường tăng 39.18%, CFPT1904 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 22% thị trường.

- Ngoại trừ CFPT1901, CFPT1902, và CMBB1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1904, CFPT1902, và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. MBB đang điều chỉnh giảm sau khi không vượt qua được ngưỡng kháng cự 23.5. Thanh khoản đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng tiếp tục giảm giá trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng chứng quyền cổ phiếu này sẽ tiếp tục gặp áp lực giảm trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	124.50	1.38	1.20
VJC	132.80	1.84	0.91
VIC	122.60	1.24	0.88
FPT	53.80	1.70	0.68
EIB	17.00	0.59	0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.7	-2.25	-1.58
VPB	20.2	-0.98	-0.48
HPG	21.2	-0.93	-0.46
NVL	61.3	-1.29	-0.42
MWG	116.1	-0.77	-0.36

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT1904	57,100	52,000	53,800
CFPT1901	27,000	44,154	53,800
CFPT1902	96,981	45,140	53,800
CREE1901	41,330	37,550	35,250
CVIC1901	150,688	140,888	122,600
CFPT1903	56,154	45,140	53,800
CMWG1903	25,800	95,000	116,100
CMWG1902	48,130	90,000	116,100
CMBB1902	26,300	21,800	22,600
CMWG1904	165,000	90,000	116,100
CMSN1901	98,488	88,888	74,000
CVNM1901	46,340	158,888	124,500
CHPG1905	93,300	23,100	21,200
CHPG1906	31,088	28,088	21,200
CVRE1901	44,688	40,888	34,000
CHPG1902	168,888	41,999	21,200
CMBB1901	23,700	20,600	22,600
CHPG1903	22,100	23,200	21,200
CHPG1904	98,800	23,100	21,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	116.1	-0.8%	0.7	2,235	1.4	7,893	14.7	4.9	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	80.4	-0.7%	1.0	778	2.4	4,727	17.0	4.4	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	75.0	-0.7%	1.3	2,285	0.2	1,505	49.8	3.4	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	33.2	-1.8%	0.7	334	0.2	3,061	10.8	1.1	52.5%	10.7%
VIC	Bất động sản	122.6	1.2%	1.1	17,835	0.9	1,643	74.6	5.0	15.3%	8.3%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.3%	1.1	3,443	0.7	1,033	32.9	2.8	32.2%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.3	-1.3%	0.8	2,480	1.0	3,579	17.1	2.8	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	35.3	-0.8%	1.0	475	0.5	5,261	6.7	1.1	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.2	-0.7%	1.4	344	0.8	2,944	5.1	1.2	45.9%	27.0%
SSI	Chứng khoán	20.9	-0.9%	1.3	462	0.8	1,997	10.5	1.1	57.8%	10.9%
VCI	Chứng khoán	31.8	-1.5%	1.0	227	0.0	5,067	6.3	1.4	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	20.9	-1.4%	1.4	278	0.4	1,434	14.6	1.5	56.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.8	1.7%	0.8	1,587	5.9	4,349	12.4	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	-2.2%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.1	-0.7%	1.5	8,330	0.4	6,066	16.5	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.9	2.1%	1.5	3,205	1.0	3,350	18.5	3.6	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	20.2	-1.5%	1.7	420	2.2	2,397	8.4	0.7	23.4%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.0	-1.1%	0.8	1,213	0.3	1,163	7.7	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.5	-0.6%	0.5	526	0.0	4,616	20.0	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.4	0.0%	0.7	227	0.1	853	15.7	0.7	19.5%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.5	-0.5%	0.6	196	0.1	897	9.5	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	77.2	-0.1%	1.3	12,449	0.8	4,729	16.3	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.1	0.3%	1.5	5,663	1.3	2,091	18.2	2.4	3.3%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.0	0.3%	1.6	3,230	1.0	1,470	13.6	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.2	-1.0%	1.2	2,152	1.4	2,989	6.7	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.1	2,077	2.0	3,215	7.0	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.9	0.0%	1.1	1,544	0.4	3,438	6.4	1.5	44.3%	26.4%
BMP	Nhựa	49.5	-0.4%	0.9	176	0.3	5,017	9.9	1.7	77.3%	17.1%
NTP	Nhựa	36.9	-0.3%	0.3	143	0.0	4,490	8.2	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.8	3.7%	1.2	657	0.1	732	23.0	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	21.2	-0.9%	1.0	2,545	3.3	2,760	7.7	1.3	37.7%	19.9%
HSG	Thép	6.6	0.3%	1.5	122	0.2	425	15.6	0.5	17.8%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.5	1.4%	0.8	9,426	2.7	5,465	22.8	7.7	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	266.0	0.0%	0.8	7,417	0.2	6,735	39.5	9.7	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	74.0	0.0%	1.2	3,761	0.9	3,304	22.4	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.9	0.0%	0.5	385	0.8	542	31.1	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	78.2	-1.9%	0.8	7,402	0.6	2,630	29.7	5.5	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.8	1.8%	1.1	3,025	4.3	9,850	13.5	5.1	18.7%	43.3%
HAV	Vận tải	33.4	-2.8%	1.7	2,057	1.4	1,747	19.1	2.6	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	27.8	-1.4%	0.8	359	0.7	1,888	14.7	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.9	1.1%	0.6	219	0.6	2,435	7.4	1.2	30.2%	17.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	84.8	1.1%	0.9	578	0.7	7,667	11.1	4.3	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.7	2.1%	0.8	384	0.3	1,327	14.8	1.3	13.2%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.5	0.0%	0.8	257	0.0	1,657	9.4	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	97.1	0.1%	0.7	322	0.2	13,535	7.2	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.4	1,352	19.5	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	20.5	-0.2%	0.5	221	0.3	387	53.0	1.0	52.1%	1.9%
POW	Điện	12.6	-1.6%	0.6	1,283	0.3	820	15.4	1.2	14.7%	7.8%
NT2	Điện	25.3	0.4%	0.6	317	0.1	2,241	11.3	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	122.60	1.24	1.48	165730.00
VNM	124.50	1.38	0.87	498850.00
PLX	61.90	2.15	0.50	384500.00
VJC	132.80	1.84	0.38	743950.00
FPT	53.80	1.70	0.18	2.51MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	7.70	10.00	0.07	400.00
VCS	84.80	1.07	0.03	187300.00
MBG	16.90	9.74	0.03	27800.00
SJE	26.80	6.77	0.03	1500.00
NET	32.40	8.36	0.02	46000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	21.70	-2.25	-0.52	2.27MLN
HVN	33.35	-2.77	-0.40	993180.00
VHM	88.40	-0.45	-0.40	336920.00
GAS	100.10	-0.69	-0.40	100280.00
NVL	61.30	-1.29	-0.22	355340.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	20.20	-1.46	-0.08	2.52MLN
NVB	7.10	-1.39	-0.04	293700.00
SHS	7.10	-2.74	-0.03	362000.00
IDV	36.50	-6.17	-0.03	900.00
NDN	16.80	-2.89	-0.02	261000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	69.50	6.92	0.04	165830.00
HVG	2.94	6.91	0.01	215580.00
HRC	41.10	6.89	0.02	920.00
TIX	30.25	6.89	0.02	20.00
CDC	14.90	6.81	0.00	2000.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	218800.00
HKB	0.60	20.0	0.01	44100.00
SPI	1.00	11.1	0.00	197700.00
OCH	7.70	10.0	0.07	400.00
TA9	8.80	10.0	0.01	11700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FTM	7.05	-6.99	-0.01	14460.00
SZL	50.60	-6.99	-0.02	72530.00
SGT	6.00	-6.98	-0.01	150.00
D2D	67.00	-6.94	-0.03	312650.00
RIC	6.03	-6.94	0.00	40.00

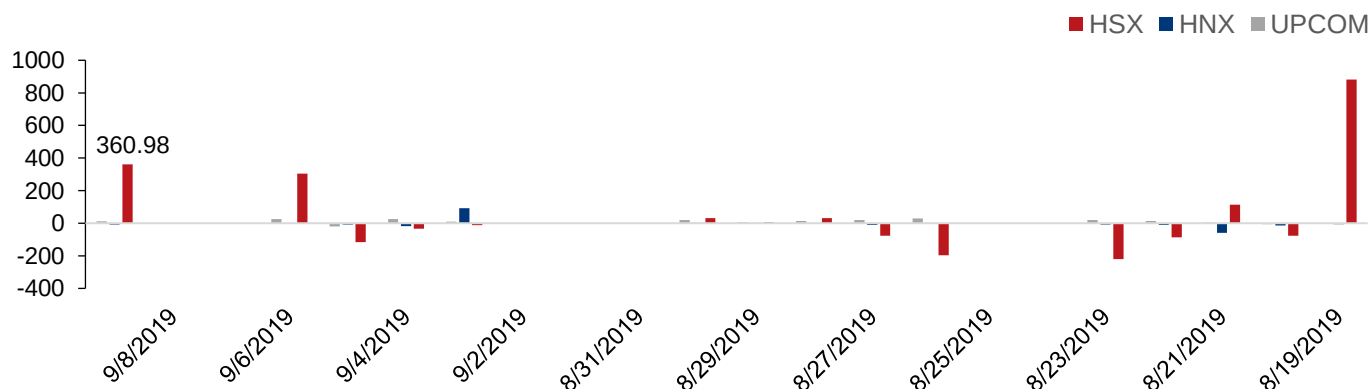
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.40	-20.00	0.00	27400.00
NHP	0.50	-16.67	0.00	31900.00
TKC	17.60	-9.74	-0.02	100.00
CKV	15.20	-9.52	0.00	400.00
PBP	8.70	-9.38	0.00	5300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	27.9	3,705	7.5	2.0	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	53.8	4,349	12.4	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	13.5	649	20.8	1.2	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	116.1	7,893	14.7	4.9	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	80.4	4,727	17.0	4.4	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	52.0	5,276	9.9	2.8	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.2	4,234	6.9	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.9	3,438	6.4	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.3	3,181	5.4	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.6	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	42.5	4,314	9.8	2.9	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	74.0	3,304	22.4	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.0	7,716	20.3	10.5	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	27.8	1,888	14.7	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	116.1	7,893	14.7	4.9	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	28.0	3,474	8.1	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.5	1,433	5.2	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	80.8	18,865	4.3	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.6	1,295	16.7	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	17.9	3,437	5.2	1.2	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoại vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

